

Bản án số: 63/2023/HSST
Ngày 17/11/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Ngô Phiên
2. bà Nguyễn Thị Cương

Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai – Thư ký Tòa án dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn H – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/HSST-QĐ ngày 02/11/2023, đối với các bị cáo:

1. Trương Thế M, sinh năm 1984

Nơi ĐKKHKT: TDP Cả Dinh, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang;

Nơi ở: Thôn Trại Cọ, xã Tam Hiệp, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Trương Ngọc A và bà Nguyễn Thị Thanh H1 (đều đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị S, sinh năm 1983 và có 01 con (sinh năm 2011);

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 27/7/2023 đến ngày 30/7/2023, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Văn D, sinh năm 1987

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản M, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Đ; Có vợ là Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1989 và có 02 con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018);

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 27/7/2023 đến ngày 30/7/2023, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng Anh T2, sinh năm 1977

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: TDP Đ, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Hoàng Hữu K (đã chết) và bà Đoàn Thị N; Có vợ là Lê Thị H2, sinh năm 1981 và có 02 con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014);

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 27/7/2023 đến ngày 30/7/2023, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Văn Đ1, sinh năm 1990

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản N, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Văn Đ2 và bà Nguyễn Thị Thanh H3; Có vợ là Nguyễn Thị Đ3, sinh năm 1989 và có 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015);

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 27/7/2023 đến ngày 30/7/2023, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1975

Địa chỉ: Bản N, xã T, huyện Y, Bắc Giang (vắng mặt)

- *Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người làm chứng:* Anh Đỗ N1 Dũng 1994

Địa chỉ: Bản N, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bản cáo trạng số 59/CT-VKS - YT ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang truy tố các bị cáo: Trương Thế Mừng, Hoàng Văn D, Hoàng Anh T2 và Trần Văn Đ1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tóm tắt nội dung vụ án như sau: Hồi 15 giờ 45 phút ngày 27/7/2023, tại xưởng gỗ bóc thuộc bản T, xã T, huyện Y của anh Nguyễn Đức L ở bản N, xã T, huyện Y, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y phối hợp cùng Công an xã T, huyện Y bắt quả tang vụ đánh bạc bằng hình thức đánh Sâm, được thua bằng tiền. Các đối tượng bị bắt gồm: Hoàng Văn D, Hoàng Anh T2, Trương Thế M và Trần Văn Đ1. Quá trình bắt quả tang, anh Đỗ Như D1, sinh năm 1994 ở bản N, xã T, huyện Y có mặt tại nơi các đối tượng đánh bạc và được mời chứng kiến việc lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: T3 tại chiếu bạc số tiền 5.230.000 đồng, 52 quân bài tú lơ khơ, 01 bàn gỗ, 04 ghế gỗ; Thu giữ của Hoàng Văn D số tiền 5.355.000 đồng, 01 ví da màu xanh có chữ LEONARDO, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, biển kiểm soát 30F-461.64; Thu giữ của Trương Thế M số tiền 2.870.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, biển kiểm soát 89A-106.19; Thu giữ của Hoàng Anh T2

số tiền 2.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Rush, biển kiểm soát 30G - 525.99; Thu giữ của **Trần Văn Đ1** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 13 giờ ngày 27/7/2023, **Hoàng Văn D** một mình điều khiển xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 30F-461.64 đến xưởng gỗ bóc của anh **Nguyễn Đức L** thuộc bản Trại Lót, xã T, huyện Y chơi, nhưng anh **L** không có ở xưởng gỗ nên **D** ngồi uống nước một mình ở xưởng nhà anh **L**. Khoảng 05 phút sau thì **Trương Thế M** điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, biển kiểm soát 89A-106.19 đến và ngồi uống nước cùng **D**. Sau đó lần lượt có **Hoàng Anh T2** điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Rush, biển kiểm soát 30G - 525.99 và **Trần Văn Đ1** đi bộ đến ngồi uống nước cùng các đối tượng. Khoảng 20 phút sau thì **D**, **M**, **Đ1** và **T2** rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh **S1** được thua bằng tiền. Lúc này, **M** lấy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân tại bàn bên cạnh bàn các đối tượng ngồi uống nước để sử dụng làm công cụ đánh bạc. Sau đó **D** chia bài rồi cùng **M**, **Đ1** và **T2** đánh bạc với nhau. Khi các đối tượng đánh bạc đến khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày thì anh **Đỗ Như D1** đến ngồi xem và không tham gia đánh bạc cùng các đối tượng. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì **T2** nghỉ không tham gia đánh bạc nữa ngồi xem, còn **D1**, **Đ1** và **M** vẫn tiếp tục đánh bạc đến khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng của vụ án như đã nêu trên.

Về hình thức đánh bạc như sau: Các bị cáo sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài để đánh bạc bằng hình thức đánh **S1** được thua bằng tiền. Quy ước trong ván bạc mỗi người chơi được chia 10 quân bài, đánh vòng tròn theo thứ tự ngược chiều kim đồng hồ, người thắng ván bạc trước sẽ được chia bài ván bạc sau và là người đánh bài đầu tiên. Người đánh bài đầu tiên có thể chọn đánh bài lẻ (từng quân bài một); đánh đôi một (hai quân bài cùng số khác chất, ví dụ: Q, Q); đánh ba quân bài (ba quân bài cùng số khác chất, ví dụ: J, J, J); đánh tứ quý (bốn quân bài cùng số khác chất, ví dụ: K, K, K, K); đánh **S2** (các quân bài liên tiếp liền kề nhau có 3 quân bài trở lên ví dụ: 3, 4, 5 hoặc 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q...). Người chơi sau sẽ chọn quân bài lẻ, đôi, ba quân bài, tứ quý hoặc Sảnh tương ứng với số quân bài mà người trước đánh nhưng phải có số cao hơn để đánh chặn. Nếu người chơi ngồi kế tiếp phía bên phải của người đánh bài đầu tiên không có quân bài tương ứng lớn hơn để đánh chặn thì có thể bỏ qua lượt đánh đó để người ngồi kế tiếp phía bên phải đánh chặn. Người thắng cuộc là người đã đánh hết các quân bài của mình đầu tiên, mỗi quân bài còn lại của những người chơi khác mà chưa đánh được thì ứng với 10.000 đồng phải trả cho người thắng. Nếu không đánh được quân bài nào thì là cháy, phải đưa cho người thắng 150.000 đồng. Người được sâm là đã đánh hết quân bài nhưng không có ai chặn được, mỗi người chơi khác phải trả cho người được sâm số tiền 200.000 đồng. Ai báo sâm bị đánh chặn phải trả cho người đánh chặn số tiền 800.000 đồng. Ai đánh quân bài số 2 bị chặn bằng tứ quý sẽ thua số tiền 200.000 đồng cho người có tứ quý đánh chặn.

Các bị cáo khai nhận sử dụng số tiền đánh bạc như sau: **Trương Thế M** sử dụng 1.570.000 đồng đánh bạc, khi bị bắt thua 970.000 đồng, số tiền còn lại bị thu giữ tại chiếu bạc; **Hoàng Văn D** sử dụng 1.500.000 đồng đánh bạc, khi bị bắt đang thắng 500.000 đồng đã bị thu giữ tại chiếu bạc; **Hoàng Anh T2** sử dụng 1.010.000

đồng đánh bạc, khi bị bắt bị thua hết; **Trần Văn Đ1** sử dụng 920.000 đồng đánh bạc, khi bị bắt thua 720.000 đồng, số tiền còn lại bị thu giữ tại chiếu bạc. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 5.230.000 đồng.

Về việc xử lý vật chứng: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Rush, biển kiểm soát 30G-525.99 là của chị **Hoàng Thị Q**, sinh năm 1987 ở **số A, ngõ A, phố Q, phường N, quận T, thành phố Hà Nội** cho bị cáo **Hoàng Anh T2** mượn để đi lại; 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, biển kiểm soát 30F-461.64 là của anh **Vương Đức N2**, sinh năm 1984 ở **thôn H, xã T, huyện Y** cho bị cáo **Hoàng Văn D** thuê; 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu bạc, biển kiểm soát 89A-106.19 là tài sản chung của bị cáo **Trương Thế M** và vợ là chị **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1983 ở **thôn T, xã T, huyện Y**. Các bị cáo **T2, D, M** không sử dụng xe ô tô kể trên để đánh bạc. Chị **Q**, anh **N2** và chị **S** không biết các bị cáo sử dụng xe ô tô đi đánh bạc. Ngày 14/8/2023 và ngày 19/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện Y** ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu bằng hình thức trả lại 03 chiếc xe ô tô kể trên cho **M**, chị **Q** và anh **N2**. Bị cáo **M**, chị **Q** và anh **N2** đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì.

Đối với số vật chứng cơ quan điều tra đã thu giữ (chưa được xử lý) chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế để bảo quản, chờ xử lý.

Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ nội dung, diễn biến hành vi phạm tội được mô tả trong bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế đã truy tố, các bị cáo đều nhận thấy rõ tội lỗi và ăn năn hối cải, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa, sau khi đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo, các vấn đề về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt:*

+ **Bị cáo Trương Thế M** từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Phạt bổ sung **Trương Thế M** từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Bị cáo Hoàng Văn D** từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Phạt bổ sung **Hoàng Văn D** từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Bị cáo Hoàng Anh T2** từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Phạt bổ sung **Hoàng Anh T2** từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để nộp ngân sách Nhà nước.

+ Bị cáo **Trần Văn Đ1** từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Phạt bổ sung **Trần Văn Đ1** từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để nộp ngân sách Nhà nước.

* *Về vật chứng*: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, điểm c khoản 2; điểm a, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy: 52 quân bài tú lơ khơ

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 5.230.000đồng;

- Trả lại cho anh **Nguyễn Đức L** 01 bàn gỗ và 04 chiếc ghế gỗ;

- Trả lại cho các bị cáo tiền và các tài sản không sử dụng vào việc đánh bạc, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án án, cụ thể như sau:

+ Trả cho bị cáo **M** số tiền 2.870.000đ; 01 điện thoại di động nắp phía sau có chữ SAMSUNG, số IMEI 1: 353415083959299/01, số IMEI 2: 353416083959297/01; 01 điện thoại di động kiểu dáng IPHONE, số IMEI: 355350081133175 và số tiền 10.000.000đ nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế ngày 15/9/2023;

+ Trả cho bị cáo **D2** số tiền 5.355.000đ; 01 ví da màu xanh bên ngoài có chữ LENARDO; 01 điện thoại di động NOKIA, số IMEI: 355763102898792; 01 điện thoại di động kiểu dáng IPHONE, số IMEI 1: 353240109465265, số IMEI 2: 353240109489489 và số tiền 10.000.000đ nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế ngày 15/9/2023;

+ Trả cho bị cáo **T2** số tiền 2.000.000đ; 01 điện thoại di động nắp phía sau có chữ OPPO, số IMEI 1: 868057058450439, số IMEI 2: 868057058450421;

+ Trả cho bị cáo **Đ1** 01 điện thoại di động NOKIA, số IMEI: 358991097720815.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: buộc các bị cáo **M, D2, T2, Đ1** mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí HSST.

Các bị cáo nhất trí với quan điểm luận tội, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không tranh luận. Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện Y**, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về tội danh của các bị cáo: Lời khai nhận tội của tất cả các bị cáo trước phiên tòa hôm nay là thành khẩn, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tạm giữ đồ vật, tài sản... về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Hồi 15 giờ 45 phút ngày 27/7/2023, tại xưởng gỗ bóc thuộc bản T, xã T, huyện Y của anh Nguyễn Đức L, các bị cáo Trương Thế M, Hoàng Văn D, Hoàng Anh T2 và Trần Văn Đ1 đang có hành vi sử dụng bộ bài tú lơ khơ sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức chơi Sâm thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y phối hợp cùng Công an xã T, huyện Y bắt quả tang và thu tại chiếu bạc số tiền 5.230.000 đồng.

Với số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc được thu giữ tại chiếu bạc nêu trên cùng với vật chứng thu được thì hành vi của các bị cáo Trương Thế M, Hoàng Văn D, Hoàng Anh T2 và Trần Văn Đ1 có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Vì vậy, bản cáo trạng truy tố các bị cáo là đảm bảo có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và vị trí, vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có nhiều bị cáo thực hiện tội phạm đánh bạc nên là vụ án đồng phạm nhưng mức độ giản đơn, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với mức độ đồng phạm của mình.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, đồng thời nó còn là nguyên nhân, điều kiện phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, việc xử lý bằng pháp luật hình sự đối với các bị cáo là cần thiết, có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, bị cáo M và bị cáo D có vai trò tương đương nhau và cao hơn hai bị cáo còn lại. Bởi lẽ, bị cáo M và bị cáo D sử dụng số tiền để đánh bạc cao hơn (bị cáo M sử dụng 1.570.000đ; bị cáo D sử dụng 1.500.000đ), đồng thời, bị cáo M là người lấy bộ bài, bị cáo D là người chia bài đầu tiên. Các bị cáo phải chịu hình phạt tương ứng với vai trò đồng phạm, đặc điểm về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt áp dụng:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định rõ ràng nên việc không cách ly các bị cáo này, không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì vậy, cần áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo thành công dân tốt.

Ngoài hình phạt chính, cần áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, buộc mỗi bị cáo phải nộp một khoản tiền vào ngân sách Nhà nước.

[5]. Về vật chứng: Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2; điểm a, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, cụ thể như sau:

Đối với số tiền 5.230.000đ thu tại chiếu bạc là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

Đối với công cụ sử dụng vào việc phạm tội là 52 quân bài tú lơ khơ không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc bàn và 04 chiếc ghế là tài sản của gia đình anh **Nguyễn Đức L**, anh **L** không biết các bị cáo sử dụng tài sản của gia đình vào việc phạm tội nên cần trả lại cho anh **L** các tài sản này.

Đối với các tài sản các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án, gồm có:

+ Trả cho bị cáo **M** số tiền 2.870.000đ và 02 chiếc điện thoại di động (thu khi bị bắt quả tang); số tiền 10.000.000đ do bị cáo nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế ngày 15/9/2023;

+ Trả cho bị cáo **D** số tiền 5.355.000đ; 01 ví da và 02 chiếc điện thoại di động (thu khi bị bắt quả tang); số tiền 10.000.000đ do bị cáo nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế ngày 15/9/2023;

+ Trả cho bị cáo **T2** số tiền 2.000.000đ; 01 điện thoại di động

+ Trả cho bị cáo **Đ1** 01 điện thoại di động.

[6] Về án phí: Các bị cáo không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ **Bị cáo Trương Thế M** 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Phạt bổ sung **Trương Thế M** 10.000.000đ (mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Bị cáo Hoàng Văn D** 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Phạt bổ sung **Hoàng Văn D** 10.000.000đ (mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

+ Bị cáo **Hoàng Anh T2** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án.

Phạt bổ sung **Hoàng Anh T2** 10.000.000đ (mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

+ Bị cáo **Trần Văn Đ1** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án.

Phạt bổ sung **Trần Văn Đ1** 10.000.000đ (mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo được hưởng án treo, gồm có: Bị cáo **Trương Thế M** cho **UBND xã T**; bị cáo **Hoàng Anh T2** cho **UBND thị trấn P**; Bị cáo **Hoàng Văn D**, bị cáo **Trần Văn Đ1** cho **UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang** nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* *Về vật chứng*: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm c khoản 2; điểm a, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 52 quân bài tú lơ khơ
- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 5.230.000đồng;
- Trả lại cho anh **Nguyễn Đức L** 01 bàn gỗ và 04 chiếc ghế gỗ;
- Trả lại cho các bị cáo tiền và các tài sản, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án, cụ thể như sau:

+ Trả cho bị cáo **Trương Thế M** số tiền 2.870.000đ; 01 điện thoại di động nắp phía sau có chữ SAMSUNG, số IMEI 1: 353415083959299/01, số IMEI 2: 353416083959297/01; 01 điện thoại di động kiểu dáng IPHONE, số IMEI: 355350081133175; số tiền 10.000.000đ do bị cáo nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế ngày 15/9/2023;

+ Trả cho bị cáo **Hoàng Văn D** số tiền 5.355.000đ; 01 ví da màu xanh bên ngoài có chữ LENARDO; 01 điện thoại di động NOKIA, số IMEI: 355763102898792; 01 điện thoại di động kiểu dáng IPHONE, số IMEI 1: 353240109465265, số IMEI 2: 353240109489489; số tiền 10.000.000đ do bị cáo nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế ngày 15/9/2023

+ Trả cho bị cáo **Hoàng Anh T2** số tiền 2.000.000đ; 01 điện thoại di động nắp phía sau có chữ OPPO, số IMEI 1: 868057058450439, số IMEI 2: 868057058450421;

+ Trả cho bị cáo **Trần Văn Đ1** 01 điện thoại di động NOKIA, số IMEI: 358991097720815.

* *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo **Trương Thế M**, **Hoàng Văn D**, **Hoàng Anh T2** và **Trần Văn Đ1** mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

* *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, báo cho bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Yên Thế;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Yên Thế
- THADS huyện Yên Thế;
- Các bị cáo, đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Mạnh Hà

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 11 giờ, ngày 11 tháng 7 năm 2023;

Tại: Phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn C1

Bà Nguyễn Thị C2

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2023/TLST-HS ngày 08/5/2023 đối với bị cáo Dương Thị N3 và đồng phạm.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%.

[2] Về tội danh của các bị cáo:

Lời khai nhận tội của tất cả các bị cáo trước phiên tòa hôm nay là thành khẩn, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tạm giữ đồ vật, tài sản... về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình các bị cáo

thực hiện hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Hội 14 giờ 40 phút ngày 10/01/2023, tại nhà của Dương Thị N3 ở thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y phát hiện, bắt quả tang vụ đánh bạc bằng hình thức đánh L1 được thua bằng tiền. Các đối tượng tham gia đánh bạc gồm: Dương Thị N3, Trần Văn T4, Trần Hải Đ4, Nguyễn Văn H4, Trần Đăng N4, Hoàng Văn Đ5, Tạ Minh H5 và Dương Minh H6. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 29.800.000 đồng (hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó 28.400.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc và 1.400.000 đồng thu trong người Dương Thị N3.

Với số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc nêu trên thì hành vi của các bị cáo Dương Thị N3, Trần Văn T4, Trần Hải Đ4, Nguyễn Văn H4, Trần Đăng N4, Hoàng Văn Đ5, Tạ Minh H5 và Dương Minh H7 đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Ngoài việc trực tiếp tham gia đánh bạc cùng các bị cáo khác, Dương Thị N3 còn có hành vi sử dụng nhà ở của mình cho các đối tượng đánh bạc và hưởng lợi 556.000 đồng tiền hồ (gồm 200.000 đồng tiền Nam thắng bạc không thu của N3 và 356.000 đồng tiền thừa sau khi trừ chi phí mua nước, hoa quả và thuốc lá cho các đối tượng đánh bạc) thì hành vi này của bị cáo N3 có đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%.

[3]. Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1; Điều 17, Điều 58, điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt:

Bị cáo Dương Thị N3 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc” và 01 (một) năm tù về tội “Gá bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/01/2023 đến ngày 13/01/2023. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Dương Thị N3 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt:

+ **Bị cáo Trần Văn T4** 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 01 năm 04 tháng tính từ ngày 11/7/2023

Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn T4 10.000.000đ (mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Bị cáo Nguyễn Văn H4** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 01 năm, tính từ ngày 11/7/2023.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn H4 10.000.000đ (mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt:

+ **Bị cáo Trần Hải Đ4** 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 01 năm 04 tháng tính từ ngày 11/7/2023

Phạt bổ sung bị cáo **Trần Hải Đ4** 10.000.000đ (mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Bị cáo Dương Minh H6** 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 01 năm 02 tháng tính từ ngày 11/7/2023

Phạt bổ sung bị cáo **Dương Minh H6** 10.000.000đ (mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Bị cáo Tạ Minh H5** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. thời gian thử thách 01 năm, tính từ ngày 11/7/2023.

Phạt bổ sung bị cáo **Tạ Minh H5** 10.000.000đ (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- *Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt:*

+ **Bị cáo Trần Đăng N4** 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 10/01/2023 đến ngày 13/01/2023. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo **Trần Đăng N4** 10.000.000đ (mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- *Áp dụng khoản 1,3 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt:*

+ **Bị cáo Hoàng Văn Đ5** 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo **Hoàng Văn Đ5** 10.000.000đ (mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo được hưởng án treo, gồm có: Bị cáo **Trần Văn T4** cho **UBND xã Đ**; giao bị cáo **Trần Hải Đ4** cho **UBND xã Đ**; giao các bị cáo **Nguyễn Văn H4**, **Tạ Minh H5** cho **UBND xã H**, tỉnh Bắc Giang; giao bị cáo **Dương Minh H6** cho **UBND xã H**, **huyện L**, tỉnh Bắc Giang, nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%.

[4]. Về các vấn đề khác:

* *Về vật chứng:* Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2; điểm a, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 29.800.000đ.

- Tịch thu tiêu hủy: 52 quân bài tứ lơ khơ; 01 tấm đệm nỉ; 01 chiếu màn tre; 09 tấm đệm xốp; 01 ví da màu nâu đã cũ rách; 01 áo khoác bò màu đen bạc; 01 áo thu đông dài tay màu vàng đen.

- Trả lại cho các bị cáo các tài sản sau nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

+ Bị cáo **Dương Thị N3** số tiền 70.000đ;

+ Bị cáo **Trần Văn T4** số tiền 7.634.000đ, 01 điện thoại di động (nắp phía sau có chữ REALME, số IMEI 1: 860722044159075; số IMEI 2: 860722044159067) và 01 xe mô tô kiểu dáng Wave, biển kiểm soát 99H7 - 5794;

+ Bị cáo **Nguyễn Văn H4** 70.000đ và 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone, số IMEI 1: 358754213732092; số IMEI 2: 358754213537293;

+ Bị cáo **Trần Đăng N4** số tiền 3.755.000đ và 01 điện thoại di động nắp phía sau có chữ OPPO; số IMEI 1: 862251056694496; số IMEI 2: 862251056694488.

+ Bị cáo **Dương Minh H6** 40.000đ; 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone, số IMEI: 354409069338395 và 01 ví da màu nâu, bên ngoài có chữ "TISDENY";

+ Bị cáo **Tạ Minh H5** 50.000đ, 01 điện thoại di động nắp phía sau có chữ "REDMI", số IMEI 1: 867142044333047; số IMEI 2: 867142046033041 và 01 xe mô tô Wave BKS 98N3 - 1237;

+ Bị cáo **Trần Hải Đ4** 6.045.000đ và 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone, số IMEI 1: 357320098466031; số IMEI 2: 357320097065784.

* *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Dương Thị Ngân, **Trần Văn T4**, **Trần Hải Đ4**, **Nguyễn Văn H4**, **Trần Đăng N4**, **Hoàng Văn Đ5**, **Tạ Minh H5** và **Dương Minh H8** bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

* *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút, ngày 11 tháng 7 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chiến Nguyễn Thị Cương Chu Mạnh H9

